

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 38

00
:ON
Ộ T
IỬ
HÁ
SIN

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 1 tháng 6 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty (bao gồm văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Da	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

40
T
+A
DI
E
T
E

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 11 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12828659/66923223

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0402-2023-004-1

Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		348.296.266.106	278.255.981.949
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	104.069.389.061	90.424.695.231
111	1. Tiền		8.169.389.061	75.424.695.231
112	2. Các khoản tương đương tiền		95.900.000.000	15.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		10.000.000.000	62.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	10.000.000.000	62.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		219.057.214.490	121.759.844.969
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	143.817.491.110	100.398.838.347
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	52.760.213.635	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	22.412.500.000	22.412.500.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		1.730.601.003	581.848.620
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(1.663.591.258)	(1.633.341.998)
140	IV. Hàng tồn kho	8	5.527.795.086	4.071.441.749
141	1. Hàng tồn kho		5.527.795.086	4.071.441.749
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.641.867.469	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		90.040.278	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	9.551.827.191	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		755.020.442.745	803.390.986.471
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		61.634.375.000	84.046.875.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	61.634.375.000	84.046.875.000
220	II. Tài sản cố định		180.384.389.038	207.208.090.254
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	164.519.797.269	190.598.138.315
222	Nguyên giá		1.497.541.742.824	1.485.758.346.457
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.333.021.945.555)	(1.295.160.208.142)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	15.864.591.769	16.609.951.939
228	Nguyên giá		22.411.162.640	22.330.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.546.570.871)	(5.720.370.461)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		9.152.204.670	5.797.971.083
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	9.152.204.670	5.797.971.083
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2	502.756.831.735	503.446.066.764
251	1. Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	337.624.176.764
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		84.652.890.000	84.652.890.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(689.235.029)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.092.642.302	2.891.983.370
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.092.642.302	2.891.983.370
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.103.316.708.851	1.081.646.968.420

200
CỔ
ĐỐI
LƯU
HỮU
SINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		84.073.631.999	45.339.353.469
310	I. Nợ ngắn hạn		84.073.631.999	45.339.353.469
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		2.529.484.086	4.712.624.523
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	23	3.596.854.522	432.475.059
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	441.827.700	26.724.868.859
314	4. Phải trả người lao động		10.416.031.645	8.059.064.109
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		62.000.000	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	66.226.966.258	4.974.745.475
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	800.467.788	435.575.444
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.019.243.076.852	1.036.307.614.951
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	1.019.243.076.852	1.036.307.614.951
411	1. Vốn cổ phần		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		302.057.614.951	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		82.185.461.901	401.307.614.951
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	187.108.664.381
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		82.185.461.901	214.198.950.570
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.103.316.708.851	1.081.646.968.420

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ	17.1	266.491.249.632	498.248.916.289
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán điện và cung cấp dịch vụ	17.1	266.491.249.632	498.248.916.289
11	4. Giá vốn về bán điện và dịch vụ cung cấp	18	(123.052.109.194)	(131.355.930.922)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán điện và cung cấp dịch vụ		143.439.140.438	366.892.985.367
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	57.866.623.400	47.142.341.383
22	7. Chi phí tài chính		(689.416.726)	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(30.568.083.764)	(34.689.829.216)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		170.048.263.348	379.345.497.534
31	11. Thu nhập khác	20	1.790.536.873	1.487.590.304
32	12. Chi phí khác	20	(1.196.450.337)	(1.057.345.219)
40	13. Lợi nhuận khác	20	594.086.536	430.245.085
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		170.642.349.884	379.775.742.619
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(24.956.887.983)	(70.326.792.049)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		145.685.461.901	309.448.950.570



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

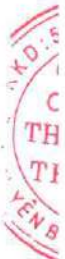
Yên Bái, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		170.642.349.884	379.775.742.619
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		39.771.640.405	39.303.991.523
03	Trích lập/(hoàn nhập) các khoản dự phòng		719.484.289	(1.733.055.700)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(58.202.580.000)	(47.142.341.383)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		152.930.894.578	370.204.337.059
09	Tăng các khoản phải thu		(53.492.997.265)	(64.535.853.581)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(1.456.353.337)	137.487.013
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(6.263.809.291)	8.136.508.362
12	Giảm chi phí trả trước		1.709.300.790	20.335.292
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(42.691.567.224)	(60.164.002.606)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	14	(3.607.131.000)	(5.232.099.277)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		47.128.337.251	248.566.712.262
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(69.781.964.152)	(4.020.686.065)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		336.088.442	-
23	Tiền chi cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(10.000.000.000)	(187.840.000.000)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		84.412.500.000	214.674.913.699
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(48.882.890.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		56.791.782.289	47.117.135.353
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		61.758.406.579	21.048.472.987



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	15.3	(95.242.050.000)	(253.979.750.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(95.242.050.000)	(253.979.750.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		13.644.693.830	15.635.435.249
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		90.424.695.231	74.789.259.982
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	104.069.389.061	90.424.695.231



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

00
ÔN
P
Y
ÁC
4.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 1 tháng 6 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty (bao gồm văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 124 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 127).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật. Cũng tại ngày này, Công ty có một công ty con và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng
<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49,00%	49,00%	Tổ dân phố số 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Đầu tư và triển khai dự án Nhà máy Thủy điện Thác Bà 2

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 11 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập (“Chi nhánh”) như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh. Báo cáo tài chính của Chi nhánh được lập cùng niên độ báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính riêng được thực hiện bằng cách cộng hợp các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo tài chính của Chi nhánh và của Văn phòng Công ty.

Các giao dịch và số dư về đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, thu hộ, chi hộ giữa Chi nhánh và Văn phòng Công ty được căn trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|--|
| Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

20/06/2023

20/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

24
IG
PT
YJ
AC
VH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

11/01/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm bổ sung vào vốn kinh doanh của Công ty, và đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, điều kiện làm việc của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quý khen thưởng phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ vào các hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện và được xác nhận bởi khách hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

11/03/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong năm chiếm trên 91% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

40%
TY
HÀ
DIỆ
BÀ
YẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	22.903.489	241.100.536
Tiền gửi ngân hàng	8.146.485.572	75.183.594.695
Các khoản tương đương tiền (*)	95.900.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	104.069.389.061	90.424.695.231

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 0,5%/năm đến 3,8%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: lãi suất 6%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	62.000.000.000	62.000.000.000
TỔNG CỘNG	10.000.000.000	10.000.000.000	62.000.000.000	62.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất 5,20%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 6,0%/năm đến 8,6%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	-			337.624.176.764	-	
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (i)	50,94%	337.624.176.764	-	(i)	50,94%	337.624.176.764	-	(i)
Đầu tư vào công ty liên kết		84.652.890.000	-			84.652.890.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (ii)	49,00%	84.652.890.000	(689.235.029)	(ii)	49,00%	84.652.890.000	-	(ii)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	-			81.169.000.000	-	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (iii)	0,6%	32.619.000.000	-	42.000.000.000	0,60%	32.619.000.000	-	39.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (iv)	5%	48.550.000.000	-	(iv)	5,00%	48.550.000.000	-	(iv)
TỔNG CỘNG		503.446.066.764	(689.235.029)			503.446.066.764	-	

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 50,94% quyền biểu quyết tương ứng 25.889.270 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết tương ứng 8.465.289 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch đóng cửa vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 12 năm 2023 là 14.000 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2022: 13.000 VND/cổ phiếu).
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	3.859.596.828	4.329.241.799
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	840.965.910	2.090.965.910
- Công ty Cổ phần Thủy điện Leader Nam Tiến	824.995.406	369.315.190
- Công Ty Cổ phần Tư vấn Phát triển Năng lượng Tây Bắc	847.866.948	-
- Phải thu các khách hàng khác	1.345.768.564	1.868.960.699
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	139.957.894.282	96.069.596.548
TỔNG CỘNG	143.817.491.110	100.398.838.347
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.663.591.258)	(1.633.341.998)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.633.341.998	3.366.397.698
Cộng: Trích lập dự phòng trong năm	1.789.426.198	24.948.300
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.759.176.938)	(1.758.004.000)
Số cuối năm	1.663.591.258	1.633.341.998

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty ANDRITZ China Ltd.	47.577.697.888	-
Công ty TNHH Andritz Việt Nam	2.116.080.235	-
Công ty cổ phần ENTEC Kỹ thuật Năng lượng	3.066.435.512	-
TỔNG CỘNG	52.760.213.635	-

5200
 CÔNG
 CỔ PHẦN
 THỦY ĐIỆN
 THÁC BÀ
 TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu (*)	22.412.500.000	22.412.500.000
	22.412.500.000	22.412.500.000
Dài hạn		
Phải thu về cho vay dài hạn (*)	61.634.375.000	84.046.875.000
	61.634.375.000	84.046.875.000
TỔNG CỘNG	84.046.875.000	106.459.375.000

(*) Chi tiết khoản phải thu về cho vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên nhận vay	Số tiền (VND)	Kỳ hạn nhận gốc và lãi	Lãi suất trong năm (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum – Công ty con	84.046.875.000	Gốc và lãi vay được trả hàng quý, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 9 năm 2027	7%	Tín chấp
<i>Trong đó:</i>				
Cho vay dài hạn đến hạn thu	22.412.500.000			
Cho vay dài hạn	61.634.375.000			

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.418.264.405	-	3.628.206.745	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.713.523.537	-	214.308.958	-
Công cụ, dụng cụ	396.007.144	-	228.926.046	-
TỔNG CỘNG	5.527.795.086	-	4.071.441.749	-

40
 /
 T
 Y
 C
 P
 T
 H
 U
 Y
 D
 I
 E
 N
 T
 H
 A
 C
 B
 A
 V
 E
 T
 N
 A
 M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số đầu năm	651.554.157.472	807.119.689.374	21.684.040.335	5.283.004.731	117.454.545	1.485.758.346.457
- Mua trong năm	-	2.667.173.726	-	-	-	2.667.173.726
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.949.247.424	1.103.050.040	-	2.175.604.415	-	10.227.901.879
- Thanh lý	-	(39.300.000)	(1.072.379.238)	-	-	(1.111.679.238)
Số cuối năm	658.503.404.896	810.850.613.140	20.611.661.097	7.458.609.146	117.454.545	1.497.541.742.824
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	14.744.406.653	506.288.618.323	10.265.521.404	3.513.866.951	65.181.818	534.877.595.149
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	556.718.310.265	717.563.521.208	16.060.215.036	4.716.725.535	101.436.098	1.295.160.208.142
- Khấu hao trong năm	20.356.489.306	17.144.672.092	1.032.259.372	434.774.008	5.221.873	38.973.416.651
- Thanh lý	-	(39.300.000)	(1.072.379.238)	-	-	(1.111.679.238)
Số cuối năm	577.074.799.571	734.668.893.300	16.020.095.170	5.151.499.543	106.657.971	1.333.021.945.555
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	94.835.847.207	89.556.168.166	5.623.825.299	566.279.196	16.018.447	190.598.138.315
Số cuối năm	81.428.605.325	76.181.719.840	4.591.565.927	2.307.109.603	10.796.574	164.519.797.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	20.558.322.400	1.772.000.000	22.330.322.400
- Mua trong năm	-	80.840.240	80.840.240
Số cuối năm	<u>20.558.322.400</u>	<u>1.852.840.240</u>	<u>22.411.162.640</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	5.160.647.758	559.722.703	5.720.370.461
- Hao mòn trong năm	411.153.216	415.047.194	826.200.410
Số cuối năm	<u>5.571.800.974</u>	<u>974.769.897</u>	<u>6.546.570.871</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>15.397.674.642</u>	<u>1.212.277.297</u>	<u>16.609.951.939</u>
Số cuối năm	<u>14.986.521.426</u>	<u>878.070.343</u>	<u>15.864.591.769</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy – Nhà máy Thủy điện (“NMTĐ”) Thác Bà	6.311.024.101	3.407.763.107
Dự án nâng cấp thiết bị điện – NMTĐ Thác Bà	2.507.802.791	241.972.148
Dự án đầu tư thiết bị nâng hạ cánh phai tràn – NMTĐ Thác Bà	127.777.778	127.777.778
Dự án nâng cấp thiết bị thông gió – NMTĐ Thác Bà	-	57.775.643
Dự án thay mới hệ thống rơ-le bảo vệ đường dây 110kV – NMTĐ Thác Bà	99.200.000	-
Dự án thay mới máy nén khí cao áp N1, N2 – NMTĐ Thác Bà	51.200.000	-
Dự án thay mới máy nén khí hạ áp N3, N4 – NMTĐ Thác Bà	28.800.000	-
Dự án thay mới hệ thống ắc quy 220VDC – NMTĐ Thác Bà	26.400.000	-
Dự án nâng cấp hệ thống quan trắc đập chính, đập tràn, nhà máy – Công trình Thủy điện Thác Bà	-	1.962.682.407
TỔNG CỘNG	<u>9.152.204.670</u>	<u>5.797.971.083</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã cần trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	491.545.100	-	491.545.100
Thuế giá trị gia tăng	-	3.644.238.909	-	3.644.238.909
Thuế tài nguyên	-	5.357.652.229	-	5.357.652.229
Thuế khác	-	58.390.953	-	58.390.953
TỔNG CỘNG	-	9.551.827.191	-	9.551.827.191
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
(<i>Thuyết minh số 22.1</i>)	18.176.506.941	24.956.887.983	(42.691.567.224)	441.827.700
Thuế tài nguyên	2.935.909.940	28.828.097.154	(31.764.007.094)	-
Thuế giá trị gia tăng	3.441.176.355	23.101.379.264	(26.542.555.619)	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.171.275.623	506.764.573	(2.678.040.196)	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	4.862.840.000	(4.862.840.000)	-
Thuế khác	-	563.384.768	(563.384.768)	-
TỔNG CỘNG	26.724.868.859	82.819.353.742	(109.102.394.901)	441.827.700

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 23</i>)	57.415.168.000		-
Cổ tức phải trả đối tượng khác	6.276.923.749		184.141.749
Phí môi trường rừng	2.225.064.276		3.462.440.544
Phải trả khác	309.810.233		1.328.163.182
TỔNG CỘNG		66.226.966.258	4.974.745.475

S20
CC
CC
TH
NB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	435.575.444	1.195.651.377
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm <i>(Thuyết minh số 15.1)</i>	4.000.000.000	4.000.000.000
Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty <i>(Thuyết minh số 15.1)</i>	-	500.000.000
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(3.607.131.000)	(5.232.099.277)
Khấu hao từ tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	(27.976.656)	(27.976.656)
Số cuối năm	800.467.788	435.575.444

24
 JG
 PH
 Y Đ
 C
 4-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	635.000.000.000	-	286.858.664.381	921.858.664.381
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	309.448.950.570	309.448.950.570
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 14)	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
- Cổ tức công bố năm 2021	-	-	(95.250.000.000)	(95.250.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2022	-	-	(95.250.000.000)	(95.250.000.000)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 14)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số cuối năm	<u>635.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>401.307.614.951</u>	<u>1.036.307.614.951</u>
Năm nay				
Số đầu năm	635.000.000.000	-	401.307.614.951	1.036.307.614.951
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	145.685.461.901	145.685.461.901
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 14) (*)	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
- Chuyển lợi nhuận sau thuế sang quỹ đầu tư phát triển (***)	-	302.057.614.951	(302.057.614.951)	-
- Cổ tức công bố năm 2022 (*)	-	-	(95.250.000.000)	(95.250.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2023 (**)	-	-	(63.500.000.000)	(63.500.000.000)
Số cuối năm	<u>635.000.000.000</u>	<u>302.057.614.951</u>	<u>82.185.461.901</u>	<u>1.019.243.076.852</u>

(*) Việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty và chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 được thực hiện theo Nghị quyết số 411/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ("Nghị quyết số 411/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ")

(**) Căn cứ theo chủ trương kế hoạch chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 được phê duyệt tại Nghị quyết số 411/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ và phê duyệt của Hội đồng quản trị tại Nghị quyết số 2072/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 6 tháng 12 năm 2023, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023, 1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng.

(***) Căn cứ theo chủ trương kế hoạch chuyển lợi nhuận để lại sang Quỹ đầu tư phát triển được phê duyệt tại Nghị quyết số 411/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ và phê duyệt của Hội đồng quản trị tại Nghị quyết số 1780/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 5 tháng 10 năm 2023, Công ty thực hiện chuyển lợi nhuận để lại sang Quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn cổ phần

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	100%

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức đã công bố	158.750.000.000	190.500.000.000
Cổ tức đã trả	95.242.050.000	253.979.750.000

15.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2021: 1.500 VND/cổ phiếu	-	95.250.000.000
Tạm ứng cổ tức cho năm 2022: 1.500 VND/cổ phiếu	-	95.250.000.000
Cổ tức cho năm 2022: 1.500 VND/cổ phiếu	95.250.000.000	-
Tạm ứng cổ tức cho năm 2023: 1.000 VND/cổ phiếu	63.500.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào kết thúc kỳ kế toán năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	VND	Số lượng (cổ phiếu)	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

16. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	-	141

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	266.491.249.632	498.248.916.289
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán điện</i>	244.897.394.884	482.076.541.660
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	21.593.854.748	16.172.374.629
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	266.491.249.632	498.248.916.289
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	8.434.852.256	15.588.639.550
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	258.056.397.376	482.660.276.739



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	10.571.863.868	16.353.071.383
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.294.627.690	30.789.270.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	131.842	-
TỔNG CỘNG	57.866.623.400	47.142.341.383

18. GIÁ VỐN BÁN ĐIỆN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	110.624.604.954	126.051.449.130
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.427.504.240	5.304.481.792
TỔNG CỘNG	123.052.109.194	131.355.930.922

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	15.017.278.114	17.908.468.464
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.746.184.034	2.647.018.703
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	957.011.565	1.113.334.872
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	30.249.260	(1.733.055.700)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.715.271.939	3.304.100.243
Chi phí khác	9.102.088.852	11.449.962.634
TỔNG CỘNG	30.568.083.764	34.689.829.216

20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	1.790.536.873	1.487.590.304
Thù lao, phụ cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát tại các đơn vị đầu tư	819.685.400	854.709.600
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	336.088.442	-
Các khoản khác	634.763.031	632.880.704
Chi phí khác	1.196.450.337	1.057.345.219
Chi phí thù lao, phụ cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát tại các đơn vị đầu tư	480.000.000	480.000.000
Chi phí khác	716.450.337	577.345.219
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	594.086.536	430.245.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.458.556.401	3.958.959.403
Chi phí nhân công	41.890.579.364	44.434.301.235
Chi phí khấu hao và hao mòn	39.771.640.405	39.303.991.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.561.679.874	3.661.459.913
Chi phí khác	60.436.951.493	74.782.301.775
TỔNG CỘNG	<u>155.119.407.537</u>	<u>166.141.013.849</u>

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.950.151.983	70.326.792.049
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	6.736.000	-
TỔNG CỘNG	<u>24.956.887.983</u>	<u>70.326.792.049</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	170.642.349.884	379.775.742.619
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	34.128.469.977	75.955.148.524
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	6.736.000	-
Chi phí không được khấu trừ	280.607.544	531.497.525
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9.458.925.538)	(6.157.854.000)
Thu nhập không chịu thuế khác	-	(2.000.000)
Chi phí thuế TNDN	24.956.887.983	70.326.792.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>STT</i>	<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ cao nhất
2	Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ
3	Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con
6	Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn
7	Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	244.897.394.884	482.076.541.660
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Cổ tức đã thanh toán Cổ tức công bố	57.547.752.000 95.912.920.000	153.460.672.000 115.095.504.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức đã thanh toán Cổ tức công bố	28.575.000.000 47.625.000.000	76.200.000.000 57.150.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ Cổ tức được chia Thu hồi tiền cho vay Lãi tiền cho vay Phí hỗ trợ quản lý Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	12.940.820.672 42.639.627.690 22.412.500.000 6.806.338.529 300.000.000 180.000.000	411.007.806 25.889.270.000 22.412.500.000 9.368.701.318 300.000.000 180.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Góp vốn Doanh thu về cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	- 218.181.820 240.000.000	48.882.890.000 172.727.273 240.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	Doanh thu về cung cấp dịch vụ hỗ trợ công tác tổ chức sản xuất	330.303.031	217.592.593

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng

Số dư các khoản phải thu, phải trả (ngoại trừ các khoản cho vay như đã trình bày tại thuyết minh số 7) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: không trích lập). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	139.957.894.282	95.834.596.548
Công ty cổ phần phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	Phải thu về cung cấp dịch vụ	-	235.000.000
TỔNG CỘNG			139.957.894.282	96.069.596.548
Phải thu ngắn hạn khác (Mã số 136)				
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	Tiền lãi vay phải thu	64.474.467	81.667.615
TỔNG CỘNG			64.474.467	81.667.615
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Mã số 312)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Cung cấp và lắp đặt thiết bị	3.596.854.522	-
TỔNG CỘNG			3.596.854.522	-
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)				
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	38.365.168.000	-
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	19.050.000.000	-
TỔNG CỘNG			57.415.168.000	-

Chi tiết thông tin khoản phải thu về cho bên liên quan vay được trình bày chi tiết ở Thuyết minh số 7.

0246
NGT
PHÂN
Y ĐI
Á C E
H.T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Da	Thành viên HĐQT	72.000.000	54.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.080.000.000	1.224.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	741.000.000	785.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	38.000.000	369.000.000
Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	690.000.000	715.000.000
TỔNG CỘNG		2.837.000.000	3.363.000.000

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

Thù lao Ban kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Ban kiểm soát	192.000.000	192.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024